

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**

---

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2019**

**Mã số: BTC/ĐT/2019-06**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI  
TỔNG CỤC THUẾ VÀ TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**Chủ nhiệm đề tài: ThS. Lê Thế Tuyên**

**TS. Nguyễn Đức Thọ**

**Thư ký đề tài: ThS. Nguyễn Thị Tố Trang**

**Hà Nội - 2020**

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Tổng cục Thuế là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước. Tổng cục Hải quan là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan.

Trong giai đoạn 2016-2020, Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan được áp dụng cơ chế quản lý tài chính theo Nghị quyết số 1094/NQ-UBTVQH13 ngày 18/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 76/2016/TT-BTC ngày 30/5/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) được phân bổ hàng năm theo mức ổn định là 1,8% (đối với Tổng cục Thuế) và 2,1% (đối với Tổng cục Hải quan) trên dự toán thu NSNN hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu, chi NSNN hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo chủ trương và yêu cầu thay đổi chính sách hiện hành. Trường hợp do các yếu tố khách quan mà mức kinh phí được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quy định không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Ngoài ra, hàng năm Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau: kinh phí NSNN giao để thực hiện nghiên cứu khoa học, đào tạo; phí và lệ phí được phép để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được sử dụng theo quy định của pháp luật. Mức chi tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không vượt quá 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (không bao gồm phụ cấp công vụ, tiền lương làm đêm, làm thêm giờ). Sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi theo quy định, phân chênh lệch giữa số chi thực tế thấp hơn phần dự toán kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm.

Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được sử dụng kinh phí tiết kiệm cho các nội dung sau: sử dụng để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa tài sản và mua sắm trang thiết bị hiện đại hóa trong trường hợp cần thiết phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hóa ngành trong khi nguồn kinh phí theo quy định chưa đáp ứng được; trợ cấp thêm ngoài chính sách

chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc những trường hợp đặc biệt khác; hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục, hỗ trợ các hoạt động tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan; bổ sung thêm thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tối đa 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức viên chức do Nhà nước quy định; chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan có thành tích đóng góp hỗ trợ cho hoạt động quản lý thuế, hải quan, chi phúc lợi tập thể. Số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung theo quy định, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định *“Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương”*.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp xác định *“Xây dựng hệ thống chính sách tiền lương quốc gia một cách khoa học, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tạo động lực giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực; góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình người hưởng lương, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”*.

Vì vậy, việc thực hiện đề tài **“Đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan”** là cần thiết nhằm cung cấp luận cứ khoa học, cơ sở thực tiễn cho việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan trong bối cảnh và tình hình mới.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Khoán chi NSNN là một phương thức chi NSNN, nhưng đồng thời cũng mang những đặc điểm riêng của phương thức khoán. Thông qua hoạt động khoán chi mà Nhà nước có thể phân phối nguồn lực quốc gia hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Hoạt động khoán chi NSNN gắn chặt với các mục tiêu chung và mục tiêu riêng mà các cơ quan Nhà nước cần đảm nhận

thực hiện trong một thời kỳ nhất định. Hoạt động khoán chi NSNN thực hiện theo hướng trao quyền hạn và trách nhiệm nhiều hơn cho cơ quan Nhà nước các cấp. Nội dung, cơ cấu và mức độ khoán chi gắn liền với cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước. Việc tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh giản, gọn nhẹ, linh hoạt cũng giúp thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ, đồng thời giúp cho việc sử dụng ngân sách hiệu quả và tiết kiệm, nâng cao năng suất làm việc của cán bộ, công chức.

Các nước sử dụng phương thức khoán chi NSNN nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực ngân sách. Đây là một trong những hình thức chi ngân sách, nên cũng mang những mục tiêu chung của chi NSNN nhằm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội ở mỗi thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng mang những mục tiêu riêng nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặc trưng của từng cơ quan, đơn vị. Nghiên cứu của Kenneth Finegold, Laura Wherry, Stephanie Schardin về Khoán chi (“Block Grants: Historical Overview and Lessons Learned”) cũng đã khái quát quá trình thực hiện khoán chi ở các nước và rút ra một số bài học cần thiết cho các quốc gia khi áp dụng khoán chi.

Ở Việt Nam, cơ chế khoán chi cũng có những hình thức tương đối giống với các nước trên thế giới và được khái quát như sau “*Cơ chế khoán chi ngân sách Nhà nước là một cách thức quản lý sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trong đó Nhà nước (mà trực tiếp là đơn vị có thẩm quyền duyệt dự toán ngân sách) giao cho các cơ quan hành chính sự nghiệp nhận mức khoán kinh phí ổn định trong một thời kỳ (có thể là 1 năm hoặc một số năm) để có thể chủ động sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trên cơ sở hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ được giao. Phần kinh phí tiết kiệm được cơ quan nhận khoán có thể được sử dụng vào các mục đích theo quy định mang tính chất định hướng và có hướng dẫn phương thức phân chia, còn việc sử dụng cụ thể như thế nào phải căn cứ vào quy chế phân phối do đơn vị xây dựng trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ*”.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đề xuất đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

**4.1. Đối tượng nghiên cứu:** Những vấn đề lý luận và thực tiễn về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu:**

- Về nội dung: Đề tài nghiên cứu cơ chế quản lý tài chính hiện đang áp dụng đối với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 2011-2020. Mốc đề xuất giải pháp là giai đoạn 2021-2025.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Về cách tiếp cận:**

Đề tài tiếp cận vấn đề nghiên cứu từ các góc độ sau:

- Tiếp cận từ cơ sở lý luận về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nói chung và cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính đặc thù.

- Tiếp cận những dữ liệu thứ cấp nhằm đánh giá thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan ở Việt Nam; từ đó chỉ rõ những hạn chế, bất cập/vấn đề cần hoàn thiện và đổi mới trong thời gian tới.

- Tiếp cận từ những định hướng, mục tiêu, giải pháp đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 27-NQ/TW.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

Để đạt mục tiêu, yêu cầu nghiên cứu, đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu: phân tích, đánh giá và phương pháp chuyên gia, tư duy lô-gíc biện chứng.

## **6. Bố cục của đề tài nghiên cứu**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài được bố cục gồm 3 chương:

*Chương 1.* Những vấn đề chung về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính.

*Chương 2.* Thực trạng cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam.

*Chương 3.* Giải pháp đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam.

## **CHƯƠNG 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH**

#### **1.1. KHÁI NIỆM VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ CHẾ KHOẢN CHI ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH**

##### **1.1.1. Cơ quan hành chính nhà nước**

Cơ quan hành chính nhà nước là cơ quan thực hiện quyền hành pháp của nhà nước. Cơ quan hành chính nhà nước bao gồm (i) cơ quan quản lý chung

hoặc (ii) cơ quan quản lý theo lĩnh vực, có nhiệm vụ chấp hành pháp luật và chỉ đạo thực hiện chủ trương, kế hoạch của nhà nước.

Các cơ quan hành chính nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận mà hoạt động vì mục đích chung phục vụ cho lợi ích cộng đồng. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước có thể do NSNN cấp toàn bộ hoặc cấp một phần. Để duy trì các hoạt động cho sự tồn tại và phát triển của các cơ quan nhà nước đòi hỏi phải có các nguồn tài chính đảm bảo. Trong khi đó, hoạt động của các cơ quan, đơn vị này thực hiện mục đích phục vụ lợi ích công cho xã hội, không đòi hỏi người nhận những dịch vụ và hàng hóa do tổ chức mình cung cấp phải trả tiền. Do đó, NSNN sẽ phải cấp phát kinh phí để duy trì hoạt động của các tổ chức công.

### **1.1.2. Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính**

#### ***1.1.2.1. Khái niệm cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính***

Sự tồn tại của hệ thống chính quyền nhiều cấp đòi hỏi mỗi cấp chính quyền phải có nguồn lực tài chính tương ứng để thực thi các hoạt động của cấp mình. Cơ quan hành chính nhà nước có nhiệm vụ phục vụ lợi ích công. Do đó, NSNN phải cấp phát kinh phí để duy trì hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước được hiểu là các hoạt động thu và chi bằng tiền của các cơ quan nhà nước để đảm bảo hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó.

Kinh phí NSNN được hình thành chủ yếu từ nguồn thu thuế, để cấp cho các cơ quan hành chính nhà nước hoạt động, đảm nhiệm các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật. Kinh phí NSNN cấp cho các cơ quan hành chính nhà nước bao gồm: (i) Kinh phí hoạt động thường xuyên; (ii) Kinh phí chi đầu tư phát triển. Kinh phí hoạt động do NSNN cấp cho cơ quan hành chính nhà nước có đặc điểm là được NSNN bảo đảm toàn bộ để duy trì sự tồn tại và hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

#### ***1.1.2.2. Các phương thức quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước***

Cơ chế quản lý chi NSNN là tổng thể các phương thức, công cụ để phân bổ và sử dụng quỹ NSNN cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách. Có nhiều phương thức quản lý chi NSNN, nhưng điển hình gồm 3 phương thức chính sau: (i) phương thức quản lý theo yếu tố đầu vào; (ii) phương thức quản lý theo yếu tố đầu ra và (iii) phương thức quản lý theo chương trình, dự án. Trong đó, phương thức (iii) mang tính đặc thù, chỉ áp dụng cho các chương trình, dự án. Vì vậy, phương thức quản lý NSNN chung nhất là phương thức (i) và phương thức (ii).

Với những ưu điểm của phương thức quản lý đầu ra hiện nay, việc chuyển mô hình quản lý đầu ra ở các nước là phù hợp. Lý thuyết quản lý đầu ra có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực và riêng trong lĩnh vực NSNN được gọi là “khoán chi”. Lợi ích của khoán chi giúp cho ngân sách được sử dụng hiệu quả, tăng tính

tự chủ cho chính quyền địa phương và các cơ quan hành chính Nhà nước, đồng thời tạo sự cải cách trong bộ máy hành chính và sử dụng công chức hợp lý.

Tại Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2017) cũng đã có quy định về áp dụng phương thức quản lý ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và giao cho Chính phủ quy định lộ trình áp dụng.

### **1.1.3. Cơ chế khoán chi đối với cơ quan hành chính**

Khoán chi hành chính là một phương pháp quản lý trong đó Nhà nước giao cho các cơ quan hành chính nhận khoán mức kinh phí ổn định trong một thời kỳ để có thể chủ động sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ được giao. Phần kinh phí tiết kiệm được cơ quan nhận khoán có thể được sử dụng vào các mục đích theo quy định mang tính chất định hướng và có hướng dẫn phương thức phân chia, còn việc sử dụng cụ thể như thế nào phải căn cứ vào quy chế phân phối do đơn vị tự xây dựng trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ.

Khoán chi NSNN là một phương thức chi NSNN nhưng đồng thời cũng mang những đặc điểm riêng của phương thức khoán. Vì vậy có thể thấy một số đặc điểm của khoán chi như sau:

*Thứ nhất*, thông qua hoạt động khoán chi mà Nhà nước có thể phân phối nguồn lực quốc gia hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Hoạt động khoán chi NSNN gắn chặt với các mục tiêu chung và riêng mà các cơ quan Nhà nước cần đảm nhận thực hiện trong một thời kỳ nhất định.

*Thứ hai*, hoạt động khoán chi NSNN được thực hiện theo hướng trao quyền hạn và trách nhiệm nhiều hơn cho cơ quan Nhà nước các cấp. Vì vậy để sử dụng ngân sách hiệu quả, các cơ quan Nhà nước cần có sự phân tích, tính toán cẩn thận trên nhiều khía cạnh trước khi đưa ra các quyết định chi tiêu, tránh lãng phí không cần thiết, nâng cao hiệu quả chi tiêu NSNN.

*Thứ ba*, nội dung, cơ cấu và mức độ khoán chi gắn liền với cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước trong việc cung ứng hàng hóa công cộng. Việc tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh giản, gọn nhẹ, linh hoạt cũng giúp thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ, đồng thời giúp cho việc sử dụng ngân sách hiệu quả và tiết kiệm, nâng cao năng suất làm việc của cán bộ, công chức, người lao động.

Các nước sử dụng phương thức khoán chi NSNN nhằm quản lý việc sử dụng ngân sách có hiệu quả. Đây là một trong những hình thức chi ngân sách nên cũng mang những mục tiêu chung của chi NSNN nhằm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội ở mỗi thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng mang những mục tiêu riêng nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặc trưng riêng.

Mục đích của các nước tuy có sự khác nhau do đặc thù, vị thế từng nước. Tuy nhiên có thể thấy hoạt động khoán chi của các nước tập trung vào những mục tiêu sau:

*Thứ nhất*, thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả tổ chức bộ máy, chất lượng công việc.

*Thứ hai*, tạo điều kiện cho các cơ quan Nhà nước chủ động sử dụng NSNN nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao trên cơ sở nâng cao trách nhiệm, quyền hạn về quản lý biên chế và tài chính của các thủ trưởng, lãnh đạo đơn vị.

*Thứ ba*, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực NSNN.

*Thứ tư*, thực hiện cải cách tiền lương, thu nhập cho cán bộ, công chức Nhà nước, nâng cao hiệu quả lao động, thu hút nhân tài, nâng cao chất lượng dịch vụ công của các cơ quan Nhà nước.

Việt Nam cũng dựa vào những mục tiêu chung của khoản chi và hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước để xác định mục tiêu của khoản chi ở Việt Nam, theo đó:

*Một là*, tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

*Hai là*, thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính.

*Ba là*, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

*Bốn là*, thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

## 1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ÁP DỤNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH RIÊNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

Việc áp dụng cơ chế quản lý tài chính đặc thù đối với cơ quan hành chính nhà nước đặc thù nhằm: *một là*, tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động hơn trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành các chức năng và nhiệm vụ được giao; *hai là*, thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính; *ba là*, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức; *bốn là*, thực hiện quyền tự chủ, đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước đặc thù là phải bảo đảm: (i) hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; (ii) không tăng thêm biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao; (iii) thực hiện công khai, dân chủ; và (iv) bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức.

Cơ quan hành chính nhà nước đặc thù được giao quyền tự chủ trong việc quyết định sắp xếp, phân công cán bộ, công chức theo vị trí công việc để bảo đảm hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan; được điều động cán bộ, công chức trong nội bộ cơ quan. Trường hợp sử dụng biên chế thấp hơn so với chỉ tiêu được giao, cơ quan vẫn được bảo đảm kinh phí quản lý hành chính theo chỉ tiêu biên chế được giao. Ngoài ra, cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế quản lý tài chính đặc thù được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng



lao động đối với một số chức danh theo quy định của pháp luật trong phạm vi nguồn kinh phí quản lý hành chính được giao.

### 1.3. CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN TRONG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

#### 1.3.1. Cơ quan thuế

Tổng cục Thuế theo quy định hiện hành là tổ chức trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước, bao gồm: thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN (sau đây gọi chung là thuế); tổ chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật. Tổng cục Thuế có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản ngoài KBNN, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Trong suốt lịch sử ngành Thuế, đặc biệt là trong những năm gần đây, ngành Thuế đã đạt nhiều thành tích quan trọng như: (1) Thực hiện sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống chính sách thuế đã đảm bảo mục tiêu góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, khuyến khích xuất khẩu, khuyến khích đầu tư, khuyến khích đổi mới công nghệ thể hiện tốt vai trò là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô có hiệu quả của Nhà nước đối với nền kinh tế; (2) Hệ thống chính sách thuế đã bao quát các nguồn thu, tiếp tục khẳng định thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN, đảm bảo tỷ lệ động viên hợp lý về thuế và phí, lệ phí vào NSNN, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và đảm bảo nguồn tài chính cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước; (iii) Hệ thống chính sách thuế đã kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác quốc tế về thuế; góp phần tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm lợi ích quốc gia; (iv) Hệ thống chính sách thuế ngày càng hoàn thiện theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai, tạo môi trường pháp lý bình đẳng, công bằng; (v) Áp dụng hệ thống chính sách thuế thống nhất không phân biệt các thành phần kinh tế khác nhau. Công tác quản lý thuế từng bước được hiện đại hóa cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy cơ quan thuế, đội ngũ cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, bao quát các nguồn thu, giảm thất thu thuế, góp phần bảo đảm thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các khoản thu vào NSNN; đồng thời từng bước kiểm soát các hoạt động sản xuất - kinh doanh, thúc đẩy đầu tư, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng.

#### 1.3.2. Cơ quan hải quan

Tổng cục Hải quan theo quy định hiện hành là cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan trong phạm vi cả nước. Tổng cục Hải quan có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, tài khoản riêng tại KBNN và trụ sở tại thành phố Hà Nội; kinh phí hoạt động do NSNN cấp.

Kể từ khi thành lập đến nay, Tổng cục Hải quan và các đơn vị tiền thân đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển và trưởng thành, có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển kinh tế, xã hội

của đất nước; xây dựng, phát triển Hải quan Việt Nam từ thủ công, thô sơ tiến lên hiện đại hóa, trở thành một trong những ngành tiên phong triển khai chủ trương cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa của Chính phủ. Số thu nộp NSNN của hoạt động hải quan đã góp phần quan trọng trong đảm bảo cân đối thu chi NSNN, đảm bảo thực hiện đúng đắn chính sách nhà nước, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phục vụ công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

#### 1.4. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

- **Tại Pháp**
- **Tại Hàn Quốc**
- **Tại Thái Lan**
- **Tại Singapore**

##### **Một số bài học rút ra cho Việt Nam:**

(1) Mục tiêu của quản lý tài chính theo kết quả đầu ra áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách, tương tự như cơ chế khoán chi hành chính ở Việt Nam, là nhằm trao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách, qua đó khuyến khích thúc đẩy các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp sắp xếp, cải cách bộ máy, tổ chức hợp lý công việc, từ đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công ngày càng tốt hơn và hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, nguồn lực công.

(2) Việc chuyển đổi từ quản lý tài chính theo các yếu tố đầu vào sang quản lý tài chính theo kết quả đầu ra áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách đòi hỏi phải có lộ trình thực hiện rõ ràng với quá trình chuẩn bị các điều kiện cần thiết, nhất là điều kiện về nguồn nhân lực phù hợp với phương thức quản lý mới. Đặc biệt, việc chuyển đổi sang quản lý tài chính theo kết quả đầu ra sẽ tạo ra sự thay đổi lớn trong công tác quản lý, đánh giá kết quả, do đó sẽ gặp phải lực cản rất lớn. Vì vậy, cần phải có quyết tâm chính trị cao.

(3) Quản lý tài chính theo kết quả đầu ra áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách đòi hỏi phải quy định rõ các tiêu chí định lượng về kết quả đầu ra, cho phép cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan đánh giá, đo lường kết quả hoạt động và sử dụng kinh phí ngân sách. Các tiêu chí định lượng về kết quả đầu ra của cơ quan sử dụng ngân sách phải phù hợp với từng loại cơ quan sử dụng ngân sách.

(4) Để đảm bảo phương thức quản lý tài chính theo kết quả đầu ra áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách vận hành tốt cần phải có hệ thống thông tin quản lý về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Để thực hiện điều này, các đơn vị sử dụng ngân sách cần phải thường xuyên báo cáo kết quả hoạt động trong suốt cả năm và vào cuối năm, trong đó trình bày những tiến bộ đạt được, những hạn chế và biện pháp khắc phục. Điều này sẽ giúp cho quá trình ra quyết định về phân bổ ngân sách hiệu quả.

(5) Quản lý tài chính theo kết quả đầu ra áp dụng đối với các đơn vị sử dụng ngân sách phải đi đôi với tăng cường công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình; tăng cường cơ chế giám sát của các thiết chế nhà nước và sự giám sát của người dân.

## **Kết luận Chương 1**

Cơ chế quản lý chi NSNN là tổng thể các phương thức, công cụ để phân bổ và sử dụng quỹ NSNN cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách.

Khoán chi hành chính là một phương pháp quản lý trong đó Nhà nước giao cho các cơ quan hành chính nhận khoán mức kinh phí ổn định trong một thời kỳ để có thể chủ động sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ được giao. Phần kinh phí tiết kiệm được cơ quan nhận khoán có thể được sử dụng vào các mục đích theo quy định mang tính chất định hướng và có hướng dẫn phương thức phân chia, còn việc sử dụng cụ thể như thế nào phải căn cứ vào quy chế phân phối do đơn vị tự xây dựng trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ.

Các nước sử dụng phương thức khoán chi NSNN nhằm quản lý việc sử dụng ngân sách có hiệu quả. Đây là một trong những hình thức chi ngân sách nên cũng mang những mục tiêu chung của chi NSNN nhằm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội ở mỗi thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng mang những mục tiêu riêng nhằm thực hiện các nhiệm vụ đặc trưng riêng của từng cơ quan, đơn vị.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN Ở VIỆT NAM**

2.1. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

2.2. THỰC TRẠNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

**2.2.1. Mục tiêu của cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan**

Mục tiêu chung của cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan là nhằm thực hiện đổi mới cơ chế quản lý và chủ trương trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động, sử dụng nguồn lực tài chính hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Theo đó, các mục tiêu cụ thể đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan là:

*Thứ nhất*, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu NSNN và các chức năng, nhiệm vụ được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan.

*Thứ hai*, đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuế, hải quan, nhất là cải cách thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, đơn giản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tham gia vào quá trình giám sát công chức thuế, hải quan thực thi pháp luật.

*Thứ ba*, đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí.

*Thứ tư*, thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức thực hiện công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính đối với hoạt động của cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan.

*Thứ năm*, tạo điều kiện cho cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang thiết bị, công nghệ quản lý, bảo đảm điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng quản lý hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

### **2.1.2. Nội dung cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan**

Việc thí điểm cơ chế khoán kinh phí hoạt động đối với Tổng cục Thuế được bắt đầu từ năm 2002 (theo Quyết định 114/2002/QĐ-TTg ngày 04/9/2002 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện thí điểm trong 3 năm. Mức kinh phí thí điểm giao khoán ban đầu được xác định là 2% trên tổng số thu nộp vào NSNN hàng năm do Tổng cục Thuế tổ chức thực hiện. Tổng cục Thuế được chủ động phân bổ và sử dụng kinh phí giao khoán để chi thường xuyên, chi đào tạo, chi ứng dụng - phát triển công nghệ thông tin và nối mạng với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để phục vụ công tác quản lý thuế. Trường hợp, kinh phí chưa sử dụng hết trong năm thì được chuyển sang năm sau. Đối với kinh phí tiết kiệm từ các khoản chi do thực hiện khoán được sử dụng cho các mục đích: (i) tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị; (ii) trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ; (iii) tăng mức tiền lương cho cán bộ, công chức ngành Thuế; (iv) chi khen thưởng, phúc lợi và lập Quỹ dự phòng.

Về cơ chế khoán chi đối với Tổng cục Hải quan: Sau khi chuyển Tổng cục Hải quan vào Bộ Tài chính theo Quyết định 113/2002/QĐ-TTg ngày 04/9/2002, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thực hiện thí điểm khoán kinh phí hoạt động đối với Tổng cục Hải quan theo Quyết định 159/2003/QĐ-TTg ngày 04/8/2003. Mức kinh phí thí điểm giao khoán là 1,6 % trên tổng số thu nộp vào NSNN hàng năm do Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan còn được sử dụng nguồn kinh phí được để lại từ các khoản thu lệ

phí hải quan và các nguồn thu hợp pháp khác (như: hỗ trợ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ấn chỉ...) để bổ sung kinh phí hoạt động. Kinh phí hoạt động giao khoán cho Tổng cục Hải quan được dùng để: (i) chi thường xuyên (bao gồm: chi cho con người; chi quản lý hành chính; chi hoạt động nghiệp vụ; chi đoàn ra, đoàn vào); (ii) chi đào tạo ngắn hạn; (iii) chi sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn; (iv) chi duy trì và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin. Kinh phí tiết kiệm từ nguồn giao khoán được dùng để chi tăng cường cơ sở vật chất, chi đào tạo cán bộ; chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức nhưng không quá 2,5 lần mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định trong năm 2003 và đến 30/6/2004, không quá 1,8 lần so với mức tiền lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định trong thời gian từ 01/7/2004 đến 31/12/2004 (khoản 2 Điều 2 Quyết định 158/2004/QĐ-TTg ngày 31/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ); chi trợ cấp và trích lập các quỹ.

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 76/2016/TT-BTC ngày 30/5/2016 quy định việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020.

#### ***2.1.1.1. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động***

Kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) được phân bổ hàng năm theo mức ổn định là 1,8% (đối với Tổng cục Thuế) và 2,1% (đối với Tổng cục Hải quan) trên dự toán thu NSNN hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu, chi NSNN hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định.

Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo chủ trương và yêu cầu thay đổi chính sách hiện hành. Trường hợp do các yếu tố khách quan mà mức kinh phí được giao của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quy định không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy, thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

#### ***2.1.1.2. Quản lý và sử dụng kinh phí***

Đối với chi đầu tư xây dựng, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thực hiện các dự án đầu tư, công trình của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Đối với chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan thực hiện chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; chi ứng dụng công nghệ thông tin theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các chương trình, dự án của Bộ Tài chính có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hành dự toán kinh phí, quản lý, mua sắm tài sản hiện đại hóa trang thiết bị nêu trên đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu hiện đại hóa của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và hệ thống Tài chính theo đúng quy định.

### **2.1.1.3. Tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi**

Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức thực hiện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước.

Đối với các khoản chi đặc thù phục vụ nhiệm vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí, trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi đặc thù cho phù hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành.

Mức chi tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không bao gồm phụ cấp công vụ, tiền lương làm đêm, làm thêm giờ. Mức lương cơ sở để tính tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được điều chỉnh theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương của Nhà nước.

## **2.2. ĐÁNH GIÁ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN**

### **2.2.1. Về thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách**

#### **2.2.1.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN của cơ quan thuế**

Trên cơ sở dự toán thu NSNN đã được Quốc hội phê duyệt, ngành Thuế đã thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tổng số thu NSNN cả giai đoạn 2011-2020 ước đạt 82.555.666 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2011-2015 đạt 4.428.271 tỷ đồng, vượt 6,46% (268.972 tỷ đồng) so với nhiệm vụ Nhà nước giao; giai đoạn 2016-2020 ước đạt 5.604.981 tỷ đồng, vượt 6,3% dự toán; tăng trưởng thu bình quân 9%/năm, tăng gấp 1,7 lần so với 5 năm giai đoạn 2011-2015.

#### **2.2.1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan**

Với sự thuận lợi từ cơ chế quản lý tài chính mang lại, giai đoạn 2016-2019, Tổng cục Hải quan đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: trong tất cả các năm, số thực thu NSNN đều vượt chỉ tiêu dự toán được giao; năm vượt chỉ tiêu ít nhất là năm 2016 (*năm đầu tiên thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế mới giai đoạn 5 năm 2016-2020*), vượt 0,5% chỉ tiêu dự toán; trong khi năm 2019 là năm số thu NSNN toàn ngành vượt chỉ tiêu dự toán nhiều nhất, vượt 15,6%. Tổng số thu thuế giai đoạn 2016-2019 đạt 1.569.531 tỷ đồng, vượt 6,2% dự toán được Quốc hội giao. Số thu qua kiểm tra sau thông quan đạt 10.524,19

tỷ đồng; số thu qua thanh tra, kiểm tra đạt 529,16 tỷ đồng; đơn đốc thu hồi và xử lý nợ thuế đạt 5.863 tỷ đồng.

## **2.2.2. Về cải cách thủ tục hành chính**

### **2.2.2.1. Kết quả cải cách thủ tục hành chính của cơ quan thuế**

Với nguồn lực theo cơ chế quản lý tài chính được duyệt đã thực sự tạo chủ động trong việc điều hành, bố trí và cân đối tài chính, đảm bảo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành Thuế tập trung triển khai các nhiệm vụ. Tổng cục Thuế đã tiếp tục tập trung rà soát và thực hiện cải cách TTHC; đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa hướng tới tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, đồng thời góp phần chống thất thu ngân sách và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước. Một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

*Một là*, cung cấp các dịch vụ điện tử cho người nộp thuế với số lượng 127/336 TTHC thuế được cung cấp trực tuyến đạt cấp độ 3 trở lên, trong đó có 08 dịch vụ cung cấp trực tuyến cấp độ 3 và 4.

*Hai là*, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế khi thực hiện TTHC thuế và đáp ứng thông lệ quốc tế.

*Ba là*, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại các Nghị quyết 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP và Chương trình hành động của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế tiếp tục triển khai các giải pháp cải cách TTHC thuế; triển khai theo đúng tiến độ các dự án công nghệ thông tin; đặc biệt là đã đẩy nhanh tiến độ triển khai và mở rộng thực hiện khai thuế qua mạng và nộp thuế điện tử; hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế; triển khai hoàn thuế điện tử.

### **2.2.2.2. Kết quả cải cách thủ tục hành chính của cơ quan hải quan**

Cơ chế quản lý tài chính đã thực sự tạo chủ động cho cơ quan Hải quan trong việc điều hành, bố trí và cân đối tài chính, đảm bảo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành Hải quan hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là về cải cách TTHC. Cụ thể:

*Thứ nhất*, tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hải quan.

*Thứ hai*, tiếp tục cải cách hiện đại hóa, áp dụng các chuẩn mực quản lý hiện đại.

*Thứ ba*, đẩy mạnh triển khai Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại.

*Thứ tư*, tích cực điều phối cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

## **2.2.3. Về đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa ngành**

### **2.2.3.1. Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa ngành thuế**

- Đổi mới, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu quản lý thuế, nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa quản lý thuế. Xây dựng một hệ thống thông tin quản lý thuế tích hợp, tập trung, công khai minh bạch, hiệu quả,

theo chuẩn mực quốc tế, góp phần đưa Việt Nam lên nhóm các nước hàng đầu khu vực Đông Nam Á trong xếp hạng mức độ thuận lợi về thuế.

- Hệ thống công nghệ thông tin ngành Thuế hướng tới đáp ứng yêu cầu của Chính phủ điện tử, xây dựng kho cơ sở dữ liệu quốc gia về thuế, cung cấp thông tin đầy đủ cho việc chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Quốc hội; đáp ứng việc kết nối trao đổi thông tin liên thông trong việc giải quyết TTHC giữa các Cơ quan quản lý Nhà nước trên cơ sở Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; tạo thuận lợi cho người nộp thuế, thuận lợi cho quản lý thuế, tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, cũng như đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả của quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ người nộp thuế thông qua việc cung cấp các dịch vụ điện tử về thuế. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức trung gian phát triển các dịch vụ về thuế, đáp ứng yêu cầu xã hội hóa một số dịch vụ như cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, cung cấp các dịch vụ gia tăng về thuế, thu hộ. Ứng dụng công nghệ thông tin phải góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý thuế, đem lại sự hài lòng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hình ảnh của cơ quan Thuế.

- Hiện đại hóa việc quản lý nội bộ ngành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cho nhân viên ngành Thuế phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ. Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành liên tục, hiệu quả, đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ngành Thuế nói chung, nguồn nhân lực công nghệ thông tin của ngành Thuế nói riêng phù hợp với định hướng và kế hoạch phát triển công nghệ thông tin ngành Thuế đến năm 2020.

### **2.2.3.2. Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa ngành hải quan**

Nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trong giai đoạn 2016-2020, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan. Những kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian vừa qua là động lực để xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu cải cách hiện đại hóa hải quan và tạo thuận lợi thương mại, hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử. Kết quả nổi bật như sau:

- *Thực hiện thủ tục hải quan tự động.*
- *Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tự động.*
- *Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.*

### **2.2.4. Về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy**

#### **2.2.4.1. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan thuế**



- Tổ chức bộ máy của Tổng cục Thuế được thành lập theo hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm nguyên tắc tập trung thống nhất, gồm: Cơ quan Tổng cục Thuế ở Trung ương; Cơ quan Thuế ở địa phương: Cục Thuế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đơn vị hành chính cấp tỉnh (gọi chung là Cục Thuế cấp tỉnh) trực thuộc Tổng cục Thuế, Chi cục Thuế ở các quận, huyện, thị xã, thành phố; Chi cục Thuế khu vực (gọi chung là Chi cục Thuế cấp huyện) trực thuộc Cục Thuế cấp tỉnh.

Tính đến hết Quý I/2020, toàn ngành thuế sắp xếp hợp nhất 565 Chi cục Thuế để thành lập 267 Chi cục Thuế khu vực, giảm 296 Chi cục Thuế; giảm số lượng Chi cục Thuế trong cả nước từ 711 Chi cục Thuế xuống còn 415 Chi cục Thuế.

Số đầu mối giảm tính đến thời điểm 31/12/2019 so với thời điểm 30/6/2017 là 2.250 đầu mối: Giảm 27 Phòng và tương đương thuộc các Vụ/đơn vị thuộc trực thuộc Tổng cục Thuế; Giảm 211 Chi cục Thuế trực thuộc 63 Cục Thuế; Giảm 62 Phòng thuộc 63 Cục Thuế; Giảm 1.950 Đội thuế thuộc Chi cục Thuế. Số lượng công chức lãnh đạo quản lý các cấp: toàn ngành Thuế giảm 2.055 công chức giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp Đội thuế trở lên so với thời điểm 30/6/2017.

Trong giai đoạn 2016-2020, toàn ngành tinh giản biên chế được 724 trường hợp. Số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN tính đến thời điểm 31/12/2019 là 39.275 người, trong đó công chức và viên chức là 35.411 người, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68 là 3.864 người.

- Về kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới: Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành thuế đã được triển khai toàn diện, với phạm vi rộng, quy mô lớn, số cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng đã có bước tiến đáng kể qua các năm (năm 2015 là 107.055 lượt người, năm 2016 là 90.955 lượt người; năm 2017 là 100.842 lượt người; năm 2018 là 86.945 lượt người, năm 2019 là 72.844 lượt người). Trung bình mỗi năm đào tạo, bồi dưỡng cho khoảng 87.900 lượt người và mỗi công chức/viên chức thuế được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ít nhất 2 lần/năm.

#### **2.2.4.2. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hải quan**

Trong những năm qua, Tổng cục Hải quan đã luôn chủ động rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Năm 2016, trước khi có Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Tổng cục Hải quan đã rà soát báo cáo Bộ Tài chính sắp xếp lại các đơn vị trung gian ở Tổng cục và Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố để phù hợp với yêu cầu quản lý tập trung và hệ thống thông quan điện tử VNACCS, theo đó ở Cơ quan Tổng cục không tổ chức Phòng trong Vụ, giảm được 13 đầu mối, ở Cục Hải quan sáp nhập một số đầu mối cấp phòng, giảm được 37 phòng và tương đương.

Để làm cơ sở cho việc rà soát, sắp xếp các Chi cục Hải quan, Đội (Tổ) thuộc Chi cục Hải quan, Tổng cục Hải quan đã trình Bộ Tài chính ban hành

Quyết định số 2015/QĐ-BTC ngày 06/9/2017 về tiêu chí thành lập, tổ chức lại Chi cục Hải quan thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 2094/QĐ-BTC ngày 17/10/2017 về tiêu chí thành lập, tổ chức lại Đội (Tổ) thuộc Chi cục Hải quan và tương đương thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, Tổng cục Hải quan đã rà soát, sắp xếp giảm được 239 Đội (Tổ) thuộc Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát hải quan và đơn vị tương đương; trình Bộ Tài chính giải thể, sáp nhập 14 Chi cục Hải quan. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan đề xuất Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cắt giảm 09 Cục Hải quan tỉnh: Cà Mau, Đồng Tháp, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Quảng Nam, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Điện Biên.

Về tinh giản biên chế: Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và hướng dẫn của Bộ Tài chính về thực hiện chính sách tinh giản biên chế, Tổng cục Hải quan đã giảm 472 chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức (năm 2016 biên chế công chức, viên chức Bộ Tài chính giao cho Tổng cục Hải quan là 10.810 chỉ tiêu; đến năm 2020 biên chế công chức, viên chức Tổng cục Hải quan được giao là 10.338 chỉ tiêu).

Đồng thời với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, Tổng cục Hải quan đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động thông qua các giải pháp cụ thể.

## 2.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ BIÊN CHẾ ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN

### 2.3.1. Đối với cơ quan hải quan

*Thứ nhất*, mức kinh phí giao hàng năm thấp hơn tỷ lệ bố trí dự toán theo mức được phê duyệt.

*Thứ hai*, mức kinh phí giao hàng năm chưa đáp ứng công tác hiện đại hóa hải quan.

*Thứ ba*, biên chế của Tổng cục Hải quan chưa được bảo đảm theo cơ chế được phê duyệt.

### 2.3.2. Đối với cơ quan thuế

*Một là*, chỉ tiêu biên chế bình quân hàng năm được giao chưa thực sự tương xứng với khối lượng công việc bình quân tăng hàng năm, dẫn đến áp lực công việc đối với cán bộ, công chức là rất lớn.

*Hai là*, chất lượng đội ngũ cán bộ ngành Thuế hiện nay đã được nâng cao, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận nhỏ cán bộ chưa thực sự tiếp cận được phương thức quản lý thuế, hải quan hiện đại. Chế độ của Nhà nước về chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ giỏi làm công tác hoạch định và triển khai các đề án, chính sách, cơ chế tài chính, xây dựng, triển khai, ứng dụng CNTT, khai thác hệ thống trang thiết bị chuyên dụng, hiện đại còn chưa hợp lý.

*Ba là*, mức kinh phí được giao cho ngành Thuế hàng năm chưa đạt tỷ lệ 1,8% trên dự toán thu NSNN đã được Quốc hội và Chính phủ phê duyệt (Tổng

cục Thuế bình quân đạt 1,68%), nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, cũng như phân bổ nguồn lực triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành Thuế đến năm 2020 đã được phê duyệt.

*Bốn là*, việc triển khai xây dựng một số dự án, chính sách cần có sự phối hợp của nhiều đơn vị có liên quan, nhưng sự phối hợp giữa các đơn vị đôi lúc còn chưa chặt chẽ, chưa nhịp nhàng, đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ cải cách và hiện đại hóa Thuế. Một số định mức chi NSNN đã lạc hậu, nhiều năm chưa sửa đổi, không phù hợp với thực tế.

## **Kết luận Chương 2**

Cơ chế quản lý tài chính và biên chế giai đoạn 2016-2020 đã tạo điều kiện để Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan hoàn thành các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả quan trọng, tổng thu NSNN vượt dự toán. Đã chủ động hơn trong sử dụng nguồn kinh phí và quản lý biên chế được giao. Cơ chế quản lý tài chính và biên chế đã thực sự tác động tích cực đến công tác quản lý cán bộ và sắp xếp tổ chức bộ máy. Công tác quản lý, đánh giá cán bộ ngày càng khoa học, chặt chẽ, công bằng, gắn liền hiệu quả công việc với công tác xét duyệt thi đua, khen thưởng làm căn cứ để bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức. Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất và hiện đại hóa công tác quản lý thuế đã được tăng cường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao, từng bước giảm thiểu các TTHC không cần thiết, đi đôi với việc sắp xếp lại bộ máy, biên chế và tài chính. Đổi mới phương thức quản lý, đề cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thuế, cơ quan hải quan đối với việc quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí, biên chế và cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức trong ngành... Việc đồng hành giữa cơ quan thuế và người nộp thuế qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn, phục vụ, tạo điều kiện để người nộp thuế tiếp cận với các dịch vụ hành chính thuế, hải quan nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả, giảm chi phí, qua đó góp phần cải thiện môi trường và kích thích đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội...

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thực tiễn thực hiện vẫn còn một số vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn và yêu cầu đặt ra trong thời gian tới.

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN Ở VIỆT NAM

### 3.1. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, nhất là trong những năm gần đây.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã xác định *“Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương”*.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp xác định *“Xây dựng hệ thống chính sách tiền lương quốc gia một cách khoa học, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tạo động lực giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực; góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình người hưởng lương, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”*.

### 3.2. BỐI CẢNH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trong thời gian tới, nhiệm vụ đặt ra cho cơ quan thuế và cơ quan hải quan ngày càng nặng nề. Các quốc gia đều nỗ lực để cắt giảm mạnh mẽ các TTHC, giảm chi phí của quá trình giao dịch thương mại để thích ứng với hoàn cảnh mới. Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế chung này, tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, trong đó cơ quan thuế, cơ quan hải quan có vai trò quan trọng trong tạo thuận lợi với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Xuất phát từ nhiệm vụ thu NSNN, tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển ngành Thuế và đẩy mạnh cải cách TTHC. Theo đó, nhiệm vụ thu NSNN trong thời gian tới là rất nặng nề, với những khó khăn, thách thức không lường trước được. Việc tiếp tục triển khai thực hiện Cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với hệ thống Thuế từ năm 2021 trở đi là cần thiết để đảm bảo cơ sở thực hiện tốt các mục tiêu đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện công khai, dân chủ và góp phần quan trọng cùng cả nước thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn tiếp theo.

Xuất phát từ đặc thù của cơ quan hải quan là đảm bảo thu NSNN, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hoá hải quan tạo thuận lợi tối đa cho thương mại nhưng đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan. Nhằm đạt được mục tiêu thông thoáng, đơn giản hóa thủ tục hải quan và mục tiêu đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan, cơ quan Hải quan bắt buộc phải cải cách TTHC và hiện đại hóa hải quan. Để thực hiện việc này, Tổng cục Hải quan phải ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu trong quá trình nghiệp vụ hải quan, triển khai hệ thống thông quan tự động tích hợp, tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, đào tạo lại nguồn nhân lực, đặc biệt là nhu cầu về trang bị máy móc, công cụ công tác nghiệp vụ rất lớn.

Xuất phát từ yêu cầu về tập trung, ổn định nguồn lực để thực hiện Chiến lược phát triển của Hải quan đến năm 2025. Chiến lược phát triển của Hải quan đến năm 2025 với mục tiêu: Lấy chuẩn mực quản lý hải quan hiện đại; trang thiết bị, công nghệ thông tin làm bước đột phá trong quản lý hải quan theo hướng đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, đồng thời giảm thời gian thông quan thực tế nhằm tạo thuận lợi cho thương mại, đầu tư phát triển để thu hút đầu tư nước ngoài, trao đổi thương mại quốc tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả nước. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về tổ chức bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực trên cơ sở xây dựng mô hình tổ chức bộ máy phù hợp chức năng, nhiệm vụ và hệ thống thông quan tự động. Tập trung xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ hải quan theo hướng chuyên nghiệp, đủ trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hoá hải quan.

### 3.3. GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN VIỆT NAM

#### 3.3.1. Mục tiêu, yêu cầu

##### 3.3.1.1. Mục tiêu

Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu NSNN và các chức năng, nhiệm vụ được giao; tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, quy trình nghiệp vụ quản lý theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tham gia vào quá trình giám sát công chức thuế, hải quan thực thi pháp luật. Đồng thời, việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính này nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh,

có trình độ chuyên môn cao; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức thực hiện công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính; tạo điều kiện cho cơ quan thuế và cơ quan hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật, công nghệ quản lý, đảm bảo điều kiện cho hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng quản lý hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức.

### **3.3.1.2. Yêu cầu**

Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam phải đảm bảo tuân thủ yêu cầu về quản lý tài chính của Nhà nước, của Bộ Tài chính. Đồng thời, vận dụng linh hoạt để thực hiện các quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính.

Việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính phải gắn với cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó “...từ năm 2021 thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo nguyên tắc bảo đảm không thấp hơn tiền lương hiện hưởng”.

Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam phải đảm bảo nguồn lực cho cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoàn thành nhiệm vụ chính trị, tăng tính chủ động cho cơ quan thuế và cơ quan hải quan trong quản lý tài chính, tài sản, xây dựng cơ bản đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, đảm bảo kế thừa cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan các giai đoạn trước và giai đoạn 2016-2020 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp thuận, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## **3.3.2. Đề xuất hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam trong thời gian tới**

### **3.3.2.1. Thời gian thực hiện**

Cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan được tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 nhằm đảm bảo đầy đủ thời gian, nguồn lực thực hiện Chiến lược phát triển ngành Thuế, Chiến lược phát triển ngành Hải quan, cũng như thống nhất thời gian thực hiện hệ thống các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành đồng bộ.

### **3.3.2.2. Về biên chế**

#### **a) Đối với cơ quan thuế:**

Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng cán bộ công chức, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế, Tổng cục Thuế xây dựng kế hoạch biên chế năm 2021-2025 theo phương án duy trì tối đa bằng chỉ tiêu năm 2020 được giao là 39.122 chỉ tiêu biên chế. Trường hợp do điều

chính, hợp nhất hoặc thành lập các đơn vị hành chính mới thì Tổng cục Thuế tự sắp xếp trong tổng biên chế được giao.

Ngoài ra, Tổng cục Thuế được thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với một số loại công việc theo quy định của pháp luật.

b) Đối với cơ quan hải quan:

Giữ nguyên theo số biên chế được giao năm 2020 và giữ nguyên theo số hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP có mặt tại thời điểm 01/01/2020. Trường hợp Chính phủ giao thêm chức năng, nhiệm vụ hoặc phải thành lập bổ sung các Cục, Chi cục Hải quan thì Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Chính phủ xem xét quyết định bổ sung biên chế.

### **3.3.2.3. Về cơ chế quản lý tài chính**

a) Nhu cầu dự toán kinh phí:

a1) Đối với cơ quan thuế:

Dự toán thu NSNN xác định kinh phí hoạt động, gồm: Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng; các khoản thu thuế nội địa (không kể dầu thô) tương tự như đã quy định tại Thông tư số 76/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Dự kiến nhu cầu kinh phí ngành Thuế cần đảm bảo để hoạt động giai đoạn 2021-2025 là 82.900 tỷ đồng bình quân là 16.580 tỷ đồng/năm, trong đó: (i) Chi hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng: 5.844 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 35% dự toán chi); (ii) Chi hoạt động thường xuyên: 10.736 tỷ đồng.

Dự toán chi bình quân 1 năm/dự toán thu NSNN bình quân 1 năm trong giai đoạn 2021-2025 là 1,06% (làm tròn 1,1%).

Xuất phát từ những tồn tại, hạn chế của giai đoạn 2016-2020, căn cứ vào dự toán thu NSNN và dự toán chi NSNN giai đoạn 2021-2025 nêu trên, nội dung trong cơ chế quản lý tài chính giai đoạn 2021-2025 như sau:

*Một là*, mức kinh phí, nhóm nghiên cứu đề xuất 02 phương án sau

Phương án 1: Mức kinh phí được tính theo tỷ lệ tối đa 1,1% trên dự toán thu NSNN hàng năm được Quốc hội giao cho ngành thuế để đảm bảo nhu cầu dự toán chi và cân đối với số thu NSNN hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ 1,8%).

Phương án 2: Trên cơ sở xác định tổng nhu cầu chi hằng năm trong giai đoạn 2021-2025, mức kinh phí được tính trên tỷ lệ vượt thu NSNN hàng năm được Quốc hội giao cho ngành thuế..

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025 phục vụ các nội dung chi trong giai đoạn này cần bù đắp từ dự kiến số vượt thu tương đương khoảng từ 2,7% đến 4,8% so với số vượt thu hàng năm, tính bình quân trong cả giai đoạn là 3,72%. Vì vậy, đề xuất bố trí từ dự kiến số vượt thu hàng năm tương đương khoảng 3,72% để bố trí thêm kinh phí cho Tổng cục Thuế.

a2) Đối với Tổng cục Hải quan:

Dự kiến tổng số thu NSNN trong giai đoạn 2021-2025 của Tổng cục Hải quan là 1.921.500 tỷ đồng, tăng khoảng 1,3 lần so với chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được giao.

Với các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Chiến lược phát triển ngành Hải quan đến năm 2030 việc tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý tài chính giai đoạn 2021-2025 đối với Tổng cục Hải quan là rất cần thiết, đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển ngành Hải quan đến năm 2030, tạo bước đột phá trong công nghệ quản lý hiện đại làm động lực cho cải cách, đổi mới hoạt động của cơ quan Hải quan. Trong đó:

- Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ thông tin và đầu tư xây dựng 18.236 tỷ đồng, bình quân khoảng 3.647 tỷ đồng/năm, tương đương 37% tổng nhu cầu kinh phí.

- Chi hoạt động thường xuyên 31.414 tỷ đồng, bình quân 6.283 tỷ đồng/năm, tương đương 63% tổng nhu cầu kinh phí.

Về mức kinh phí, nhóm nghiên cứu đề xuất 02 phương án sau:

Phương án 1: Mức kinh phí được tính theo tỷ lệ 2,4% trên dự toán thu NSNN hàng năm được Quốc hội giao cho ngành Hải quan để đảm bảo nhu cầu dự toán chi và cân đối với số thu NSNN hàng năm trong giai đoạn 2021-2025.

Phương án 2: Trên cơ sở xác định tổng nhu cầu chi hằng năm trong giai đoạn 2021-2025, mức kinh phí được tính trên tỷ lệ vượt thu NSNN hàng năm được Quốc hội giao cho ngành Hải quan.

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2025 phục vụ các nội dung chi trong giai đoạn này cần bù đắp từ dự kiến số vượt thu tương đương khoảng từ 10,22% đến 13,92% so với số vượt thu hàng năm, tính bình quân trong cả giai đoạn là 12,17% . Vì vậy, đề xuất bố trí từ dự kiến số vượt thu hàng năm tương đương khoảng 12,17% để bố trí thêm kinh phí cho Tổng cục Hải quan.

b) Kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được phân bổ và giao bảo đảm cơ cấu: (i) Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng (bao gồm cả nguồn vốn đầu tư xây dựng tập trung do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối) tối thiểu 35% trên tổng dự toán chi được giao. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự cân đối trong dự toán chi NSNN được giao để bảo đảm các nội dung chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng, kể cả khi vốn đầu tư xây dựng ngân sách tập trung không giao đủ nhu cầu chi; (ii) Chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù, chi hoạt động thường xuyên tối đa 65% trên tổng dự toán chi được giao. Trong đó:

- Tỷ lệ phân bổ nội dung chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và đầu tư xây dựng tối thiểu là 35% trên tổng dự toán được giao (không quy định chi tiết tỷ lệ chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị và tỷ lệ chi đầu tư xây dựng như giai đoạn 2016-2020).

- + Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế của các đơn vị (trong phạm vi tỷ lệ phân bổ tối thiểu 35%) và phải đảm bảo lũy kế kế hoạch vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025 của từng Tổng cục không vượt tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền phê duyệt.



+ Cơ chế quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng của từng Tổng cục giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

c) Tiền lương bình quân của cán bộ, công chức thuế, hải quan:

Thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Do đó, đề nghị mức tiền lương từ năm 2021 không thấp hơn tiền lương thực tế đã chi năm 2020 của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan. Bên cạnh đó, trong tổng nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao khoán, từng Tổng cục được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương.

d) Nội dung chi hoạt động của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan:

- Chi mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị, chi đầu tư xây dựng: (i) Thực hiện các dự án đầu tư, công trình của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước; (ii) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; (iii) Chi ứng dụng công nghệ thông tin theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (iv) Thực hiện các chương trình, dự án của Bộ Tài chính có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của Tổng cục Thuế, Hải quan theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi hoạt động thường xuyên:

(1) Chi thanh toán cá nhân.

(2) Chi quản lý hành chính.

(3) Chi bảo đảm các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn.

đ) Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí phù hợp với nhu cầu thực tế và trong phạm vi số kinh phí được giao. Kinh phí cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng (bao gồm cả kinh phí được chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021).

e) Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi:

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm được từ chi hoạt động thường xuyên được sử dụng cho các nội dung sau: (i) Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; hỗ trợ cán bộ, công chức gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc những trường hợp đặc biệt khác; hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; hỗ trợ các hoạt động tổ chức Đảng, đoàn thể của các đơn vị. (ii) Bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức bình quân toàn hệ thống Thuế, Hải quan tối đa 0,2 lần mức lương đối với công chức, viên chức do nhà nước quy định (trừ tiền lương làm đêm, làm thêm giờ). (iii) Chi khen thưởng, phúc lợi tối đa 03 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực

hiện trong năm. (iv) Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài hệ thống Thuế có thành tích đóng góp hỗ trợ cho hoạt động quản lý thuế.

g) Khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ thì Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến nguồn tài chính của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan không đảm bảo mức chi tiền lương tăng thêm tối thiểu bình quân 02 năm liền là 80% để duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp để hỗ trợ kinh phí cho ngành Thuế, Hải quan.

h) Ngoài mức kinh phí được giao theo đề nghị nêu trên, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan được (i) giao dự toán NSNN để thực hiện các nhiệm vụ ngoài nhiệm vụ thường xuyên như: nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chương trình của Nhà nước; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác của Chính phủ; (ii) sử dụng nguồn phí được phép để lại theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; (iii) sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

#### **3.3.2.4. Về tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi**

Tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi giai đoạn 2021-2025 được quản lý và sử dụng tương tự Cơ chế tài chính giai đoạn 2016-2020, trong đó:

- Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành: Thực hiện theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của Nhà nước.

- Đối với các khoản chi đặc thù phục vụ nhiệm vụ: Căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng nguồn kinh phí, trên cơ sở vận dụng các tiêu chuẩn, mức chi quy định hiện hành để xây dựng tiêu chuẩn, mức chi đặc thù cho phù hợp, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt, ban hành. Mức chi tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức và người lao động bình quân của Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan áp dụng không vượt quá 1,8 lần so với mức lương đối với công chức, viên chức do Nhà nước quy định; tiền lương tăng thêm không bao gồm phụ cấp công vụ, tiền lương làm thêm giờ. Việc phân phối tiền lương, tiền công theo kết quả chất lượng hoàn thành công việc của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc công bằng hợp lý, gắn tiền lương với hiệu quả công việc, đồng thời phải được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Đối với các nguồn kinh phí khác được giao: Thực hiện theo tiêu chuẩn, mức chi, chế độ chi đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

### **3.4. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHẪM ĐẢM BẢO KẾT QUẢ TỐT CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN HẢI QUAN**

Để đảm bảo cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan mang lại kết quả tốt, đúng mục tiêu và yêu cầu đặt ra, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

**3.4.1. Tăng cường các biện pháp quản lý, tiết kiệm kinh phí trong chi tiêu NSNN**

**3.4.2. Tiếp tục tập trung đầu tư kinh phí thực hiện nhiệm vụ hiện đại hóa, tăng cường hiệu quả công nghệ quản lý**

**3.4.3. Tăng cường quản lý nguồn nhân lực**

### **Kết luận Chương 3**

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước cho phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Xuất phát từ yêu cầu đổi mới trong cải cách hành chính và quản lý tài chính, để đảm bảo tự chủ hoạt động của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, Nhà nước đã ban hành các cơ chế triển khai thực hiện.

Đối với cơ quan Thuế, xuất phát từ nhiệm vụ thu NSNN, tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển ngành Thuế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Theo đó, nhiệm vụ thu NSNN trong thời gian tới là rất nặng nề, với những khó khăn, thách thức. Do đó, để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách, ngành Thuế phải tiếp tục đầu tư nguồn lực củng cố, tăng cường hơn nữa các chức năng quản lý thuế theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp, đảm bảo bao quát hết các nguồn thu, chống thất thu và huy động kịp thời mọi nguồn thu vào NSNN.

Đối với cơ quan Hải quan, xuất phát từ đặc thù nhiệm vụ chính trị vừa đảm bảo thu NSNN, vừa đảm bảo phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại góp phần đảm bảo an ninh quốc gia và tạo thuận lợi cho thương mại. Theo đó, nhiệm vụ chính trị đối với cơ quan Hải quan trong thời gian tới càng hết sức nặng nề, đòi hỏi phải có nguồn lực tài chính phù hợp cũng như nguồn nhân lực và cách thức tổ chức hiện đại tương ứng.

Kết quả đạt được qua các giai đoạn thực hiện khoán và cơ chế quản lý tài chính, biên chế đối với cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan đã khẳng định phải tiếp tục có được một cơ chế quản lý tài chính và biên chế ổn định để thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao./.

### **KẾT LUẬN**

Khoán chi NSNN là xu hướng áp dụng ở nhiều quốc gia trên thế giới nhằm thực hiện theo hướng trao quyền hạn và trách nhiệm nhiều hơn cho cơ quan Nhà nước các cấp, gắn với kết quả hoạt động. Thông qua hoạt động khoán chi mà Nhà nước có thể phân phối nguồn lực quốc gia hiệu quả nhằm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra.

Ở Việt Nam, Tổng cục Thuế là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước. Tổng cục Hải quan là cơ quan trực

thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan. Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan được áp dụng cơ chế quản lý tài chính theo Nghị quyết số 1094/NQ-UBTVQH13 ngày 18/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 13/2016/QĐ-TTg ngày 15/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 76/2016/TT-BTC ngày 30/5/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, kinh phí bảo đảm hoạt động của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2016-2020 (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng, mua sắm hiện đại hóa trang thiết bị) được phân bổ hàng năm theo mức ổn định là 1,8% (đối với Tổng cục Thuế) và 2,1% (đối với Tổng cục Hải quan) trên dự toán thu NSNN hàng năm do Quốc hội, Chính phủ giao Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan tổ chức thực hiện và được tổng hợp trong dự toán thu, chi NSNN hàng năm của Bộ Tài chính trình Chính phủ, Quốc hội quyết định.

Xuất phát từ nhiệm vụ thu NSNN, tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển ngành Thuế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, xuất phát từ đặc thù của cơ quan hải quan là đảm bảo thu NSNN, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa hải quan tạo thuận lợi tối đa cho thương mại nhưng đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan. Do đó, việc tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan thuế và cơ quan hải quan ở Việt Nam giai đoạn tiếp theo (trước mắt là giai đoạn 2021-2025) nhằm đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu NSNN và các chức năng, nhiệm vụ được giao; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tham gia vào quá trình giám sát công chức thuế, hải quan thực thi pháp luật. Đồng thời, việc thực hiện cơ chế tài chính này nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức thực hiện công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính; tạo điều kiện cho cơ quan thuế và cơ quan hải quan chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật, công nghệ quản lý, đảm bảo điều kiện cho hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng quản lý hiện đại cho đội ngũ cán bộ, công chức.

Quản lý tài chính nói chung và quản lý tài chính các cơ quan hành chính nói riêng là vấn đề khá phức tạp. Trong khuôn khổ nghiên cứu của một Đề tài khó tránh khỏi những hạn chế nhất định về nội dung, phương pháp tiếp cận và giải quyết một số vấn đề cụ thể. Do đó, nhóm tác giả mong nhận được sự tham gia góp ý, phản biện của các nhà khoa học, cũng như các cơ quan, đơn vị, cá nhân có quan tâm đến vấn đề này để kết quả nghiên cứu được hoàn chỉnh hơn./.